TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Thuần.

Ông Dương V Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 572/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Huy V, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Xóm 1B, xã Nam Thành, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Hữu D, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Khu 7, ấp 9, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

(Anh V, chị D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2019, bản khai ngày 05/12/2019 nguyên đơn anh Trần Huy V trình bày*:**

Anh và chị D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013 nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/9/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh và chị D đã sống ly thân với nhau, không có khả năng đoàn tụ. Nay anh

nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Hữu D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là Trần Huy Nhân, sinh ngày 01/7/2014. Anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Anh và chị D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hữu D: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Nguyễn Thị Hữu D đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp V bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh V.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng anh V và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ không có và đã sống ly thân, nên yêu cầu xin ly hôn của anh V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh V được ly hôn với chị D.

Về con chung: Con chung đang sống cùng anh V, chị D không đến Tòa án làm việc để có ý kiến về việc nuôi con, đề nghị giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Trần Huy V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Hữu D được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ

Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hữu D cư trú tại Khu 7, ấp 9, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Huy V khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Anh V và Chị D đăng ký kết hôn năm 2014 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Huy V và chị Nguyễn Thị Hữu D tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật và đã đăng ký kết hôn tại xã Gia Canh ngày 08/9/2014 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh V: Anh V xin ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm sống, trong công việc nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân trên 02 năm và hiện nay anh không còn tình cảm với chị D. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa anh V và chị D xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, giữa anh V và chị D đã chấm dứt đời sống chung của vợ chồng. Xét thấy, Điều của 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định "Vợ chồng chung thuỷ, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững". Tuy nhiên, anh V và chị D không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh V và chị D thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ (bút lục 24, 25). Tòa án đã nhiều lần mời chị D để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D không đến, điều đó cho thấy chị D không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, anh V xin ly hôn với chị D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Anh V và chị D có một con chung là Trần Huy Nhân, sinh ngày 01/7/2014, hiện đang do anh V nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Nhân sống với anh V từ nhỏ, được anh V chăm sóc tốt, cháu Nhân phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học. Anh V có công việc và thu nhập ổn định. Chị D không đến Tòa án làm việc để có ý kiến về việc nuôi con. Để tránh xáo trộn đời sống của cháu Nhân và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Nhân cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh V chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, chị D có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh V chị D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và

cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Huy V phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Huy V. Anh Trần Huy V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hữu D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Huy Nhân, sinh ngày 01/7/2014 cho anh Trần Huy V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị Hữu D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Huy V không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Hữu D có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh V, chị D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Trần Huy V phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh V đã nộp theo biên lai số 0002698 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Anh V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Huy V và chị Nguyễn Thị Hữu D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Canh;
- Lưu.

Phan Thanh Hà